

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUẨN
TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ TIẾNG ANH**

- 1. Chương trình đào tạo tiến sĩ Ngôn ngữ Anh**
- 2. Chương trình đào tạo tiến sĩ Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh**

Chương trình đào tạo chuẩn ĐHQGHN trình độ thạc sĩ được ban hành theo Quyết định số 1648/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng trường ĐHNN-ĐHQGHN.

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Tuấn Minh

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: **LÍ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC**

BỘ MÔN TIẾNG ANH

MÃ NGÀNH: **9140111**

(Ban hành theo Quyết định số 1648 /QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: **Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh**
- + Tên tiếng Anh: **English Teaching Methodology**
- Mã số chuyên ngành đào tạo: **9140111.01**
- Tên ngành đào tạo:
- + Tên tiếng Việt: **Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh**
- + Tên tiếng Anh: **English Teaching Methodology**
- Trình độ đào tạo: **Tiến sĩ**
- Tên văn bằng tốt nghiệp:
- + Tên tiếng Việt: **Sư phạm tiếng Anh**
- + Tên tiếng Anh: **English Language Teacher Education**
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: **Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN**

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung:

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh đào tạo những nhà chuyên môn nắm vững một cách có hệ thống những vấn đề lí thuyết về phương pháp dạy học tiếng Anh, có kiến thức lí thuyết toàn diện, nâng cao về phương pháp dạy học tiếng Anh và các khoa học có liên quan, có kiến thức chuyên sâu, cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá Anh-Mỹ và các nước nói tiếng Anh trong mối tương quan với văn hóa chung của nhân loại, có khả năng tự nghiên cứu, tự xác định vấn đề và độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong việc nghiên cứu phương pháp dạy học tiếng Anh, trong nghiệp vụ giảng dạy tiếng Anh; có thể tiếp tục tự học, có những phẩm chất và kĩ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp ở trình độ cao để trở thành các chuyên gia, các nhà khoa học có thể hướng dẫn, tổ chức các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Chương trình cung cấp cho các đối tượng nghiên cứu sinh một hệ thống kiến thức và kĩ năng nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện. Hệ thống kiến thức và kĩ năng nghiên cứu bao gồm việc xác định đề tài, phạm vi nghiên cứu, thiết lập và tiến hành các phương pháp nghiên cứu và công bố công trình nghiên cứu. Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chương trình có tầm nhận thức bao quát, toàn diện và cụ thể về vai trò của nghiên cứu và của người nghiên cứu đối với sự phát triển chung của xã hội. Nghiên cứu sinh tốt nghiệp có thể tự thiết lập môi trường nghiên cứu, có khả năng xây dựng các cộng đồng nghiên cứu, thiết lập mạng lưới nghiên cứu để phục vụ cho hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình và xây dựng các chuyên ngành nghiên cứu mới để đáp ứng sự phát triển về nhu cầu của xã hội.

2.2. Các mục tiêu cụ thể:

Mục tiêu đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh tại Trường ĐHNN - ĐHQGHN phải phù hợp với mục tiêu của bậc học tiến sĩ do nhà nước Việt Nam qui định là “đào tạo những chuyên gia có trình độ cao về lí thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, giải quyết những vấn đề khoa học - công nghệ và hướng dẫn hoạt động chuyên môn”. Mục tiêu này được cụ thể hoá trong chương trình đào tạo Tiến sĩ, chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh như sau:

Về kiến thức: Đào tạo những nhà khoa học có trình độ lí thuyết cao về lí luận và phương pháp dạy học tiếng Anh và các khoa học liên quan; có kiến thức sâu rộng về phương pháp dạy học ngoại ngữ nói chung; có trình độ cao trong dạy học lí thuyết và thực hành tiếng Anh; chủ động, sáng tạo trong việc phát hiện, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề khoa học trong lĩnh vực dạy học tiếng Anh nói chung và trong điều kiện cụ thể ở Việt Nam nói riêng; có khả năng cập nhật thông tin liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của mình để không ngừng hoàn thiện và nâng cao kiến thức chuyên sâu của cá nhân.

Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng tư duy và hành động độc lập, kỹ năng xác lập phạm vi nghiên cứu, kỹ năng xây dựng và tiến hành các pháp nghiên cứu cụ thể, kỹ năng truy cập và sử dụng các phần mềm hỗ trợ nghiên cứu, kỹ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu và kỹ năng công bố các sản phẩm nghiên cứu.

Về nghiên cứu: Phát triển các phương pháp nghiên cứu tiên tiến giúp nghiên cứu sinh tốt nghiệp độc lập thực hiện và hướng dẫn thực hiện các nghiên cứu khoa học với hiệu quả và tính thực tiễn cao nhất, giải quyết một cách chủ động, sáng tạo các vấn đề đặt ra trong chuyên ngành Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh, thiết lập các chuyên ngành nghiên cứu mới, định hướng và phát triển môi trường nghiên cứu tại cơ quan công tác, liên kết với các trung tâm nghiên cứu trong nước và nước ngoài, v.v...

Về phẩm chất, thái độ nghiên cứu: Đào tạo những nhà nghiên cứu có niềm đam mê nghiên cứu thực sự, kiên trì theo đuổi ý tưởng nghiên cứu, có khát khao mở rộng kiến thức và địa hạt nghiên cứu, có óc sáng tạo, có sáng kiến, biết tạo ra cái mới, mong muốn nghiên cứu những đề tài có tác động đến xã hội, hoặc những đề tài mà xã hội quan tâm, có tính trung thực, có thái độ hợp tác, chia sẻ trong nghiên cứu.

Về phẩm chất chính trị: Góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, có ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công - nghệ của đất nước, có tinh thần trách nhiệm đối với sự nghiệp phát triển khoa học của cơ quan công tác và của toàn xã hội.

MA TRẬN PLO CTĐT TIỀN SĨ TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 8)
CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã PLO	Nội dung PLO	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
1	Kiến thức													
1.1	Kiến thức chung													
PLO01	Vận dụng sáng tạo các kiến thức nền tảng về triết học, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và áp dụng vào việc quản lý, giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành nghiên cứu; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh;	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x
PLO02	Phân tích có tính khái quát cao và đánh giá chính xác và hiệu quả các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập và nghiên cứu, có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng hoạt động của nhóm nghiên cứu và định hướng phát triển chiến lược của tập thể;	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x
PLO03	Vận dụng thành thực năng lực tiếng Anh học thuật nâng cao và ngoại ngữ thứ hai ở mức tương đương bậc 4 trở lên theo khung tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài để liên tục cập nhật kiến thức liên quan trực tiếp đến đề tài của mình với tư duy mở, nhằm củng cố thế giới quan khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.	x	x		x	x		x	x		x	x	x	x
1.2	Kiến thức nhóm ngành / chuyên ngành													
PLO04	Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức nhóm ngành và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học Anh, ngôn ngữ học	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x

MA TRẬN PLO CTĐT TIỀN SĨ TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 8)
CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã PLO	Nội dung PLO	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
	đôi chiếu, ngoại ngữ học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ, về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa.													
1.3	Kiến thức của ngành / chuyên ngành													
PLO05	Vận dụng tổng hợp được phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức chuyên ngành và liên ngành để rút ra nguyên tắc, quy luật trong quá trình làm nghiên cứu, đưa ra được những sáng kiến, đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và có giá trị thực tiễn; có khả năng đánh giá các sáng kiến trong quá trình nghiên cứu đề tài luận án cũng như để hoạt động chuyên môn trong môi trường làm việc hội nhập quốc tế;	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x
PLO06	Vận dụng nhuần nhuyễn và sáng tạo dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn hệ thống kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và các kiến thức liên quan để giải quyết trọn vẹn vấn đề nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ thuộc chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh;	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x
PLO07	Vận dụng linh hoạt và tương đối trọn vẹn kiến thức thuộc một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh để hình thành nền tảng phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình.	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x
2	Chuẩn đầu ra về kỹ năng													
2.1	Kỹ năng chuyên môn													

MA TRẬN PLO CTĐT TIỀN SĨ TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 8)
CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã PLO	Nội dung PLO	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
PLO08	Có khả năng vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu để định hướng việc giải quyết các vấn đề chung về lý thuyết ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Anh nói riêng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên sâu; có khả năng cho ra đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao;	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x
PLO09	Có kỹ năng xác định chính xác phạm vi đề tài nghiên cứu, làm chủ các công cụ nghiên cứu, có kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích dữ liệu, thiết lập mạng lưới nghiên cứu và công bố sản phẩm nghiên cứu;	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x
PLO10	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh ở trình độ bậc 5 và giao tiếp được bằng ngoại ngữ khác ở trình độ bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu và giao lưu khoa học.	x			x	x		x	x	x	x	x	x	x
2.2	Kỹ năng khác													
PLO11	Vận dụng các kỹ năng của thể kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO12	Thành thực các kỹ năng làm việc theo nhóm, xây dựng và làm hạt nhân của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO13	Khai thác, vận dụng ở trình độ cao các ứng dụng công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích quản lý, điều hành, truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x

**MA TRẬN PLO CTĐT TIỀN SĨ TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẠC 8)
CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH**

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã PLO	Nội dung PLO	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
	phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các ứng dụng công nghệ thông tin khác trong việc triển khai và sáng tạo sản phẩm khoa học.													
3	Về mức độ tự chủ và trách nhiệm													
PLO14	Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo, sáng tạo ra tri thức mới;	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
PLO15	Có tinh thần chủ động vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phức tạp thuộc ngành Sư phạm Anh và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao;	x	x		x	x		x			x	x	x	x
PLO16	Có khả năng thích ứng và tự định hướng khi thực hành nghiên cứu trong chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh và xử lý các nhiệm vụ chuyên môn, có khả năng dẫn dắt người khác trong các hoạt động này;	x	x		x	x		x	x		x	x	x	x
PLO17	Có tính tự chủ và trách nhiệm cao khi đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia trong các nhiệm vụ đòi hỏi trình độ chuyên môn, học thuật cao;	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
PLO18	Có tinh thần tích cực, chủ động và trách nhiệm cao trong học tập suốt đời, nghiên cứu để phát triển tri thức chuyên ngành, tích lũy kinh nghiệm thông qua việc trải nghiệm các ý tưởng và quá trình mới trong công việc và cuộc sống.	x	x		x	x		x	x		x	x	x	x

**MA TRẬN PLO CTĐT TIẾN SĨ TRONG MỐI TƯƠNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 8)
CHUYÊN NGÀNH: LÝ LUẬN & PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH**

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
Mã PLO	Nội dung PLO	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4
4	Về phẩm chất đạo đức													
PLO19	Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội, trung thực trong quá trình thu thập, xử lý và công bố dữ liệu, số liệu nghiên cứu, tuân thủ các yêu cầu và cam kết về đạo đức và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với cộng đồng nghiên cứu và toàn xã hội.	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh:

- Xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài

Thí sinh người nước ngoài thực hiện việc xét tuyển đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ theo Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc ĐHQGHN ban hành quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại ĐHQGHN. Các yêu cầu về chuyên môn như khoản a) và c) mục 2.4. của thông báo này.

Thí sinh người nước ngoài dự tuyển các chương trình đào tạo thạc sĩ/tiến sĩ trúng tuyển và nhập học có nguyện vọng làm đơn xin cấp học bổng hỗ trợ chi phí học tập, nghiên cứu của Trường Đại học Ngoại ngữ. Thủ tục và quy trình xét cấp học bổng cho thí sinh dự tuyển đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ được thực hiện theo thông báo số 54/TB-ĐHNN ngày 15/01/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc cấp học bổng hỗ trợ chi phí học tập, nghiên cứu và công bố quốc tế đối với thí sinh người nước ngoài dự tuyển các chương trình đào tạo sau đại học bậc thạc sĩ và tiến sĩ.

3.2. Điều kiện dự tuyển đào tạo tiến sĩ

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

a) Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

- Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành đúng, phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải

là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kì yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu chi tiết, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

+ Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

+ Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh (theo quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành tại ĐHQGHN) và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh. (Tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh xem tại Phụ lục 3 của Thông báo này)

+ Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

- Có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lí trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

- Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển (đối với thí sinh có bằng cử nhân dự tuyển sau 12 tháng kể từ ngày được cấp bằng và thí sinh có bằng thạc sĩ).

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

b) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ thứ hai phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
- Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển, được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN công nhận (quy định tại Phụ lục 6 và Phụ lục 7 của Thông báo này). Riêng đối với các ngoại ngữ khác tiếng Anh, trong năm 2023, đơn vị có thể sử dụng giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ (đủ 4 kỹ năng) được ĐHQGHN công nhận (quy định tại Phụ lục 6 và Phụ lục 7 của Thông báo này).

c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.

d) Thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo Đề án 89 của Bộ GD&ĐT phải đáp ứng tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn tại Điều 5 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/09/2021.

Thí sinh dự tuyển đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Quy định xét cấp học bổng của ĐHQHN cho nghiên cứu sinh và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc ban hành theo QĐ số 3688/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/11/2021 của Giám đốc ĐHQGHN có thể nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc (xem thêm tại mục 2.7.)

Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển (đối với thí sinh có bằng cử nhân dự tuyển sau 12 tháng kể từ ngày được cấp bằng và thí sinh có bằng thạc sĩ).

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

3.3. Danh mục các chuyên ngành phù hợp và chuyên ngành gần:

Chuyên ngành phù hợp: Các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh), Giáo dục học (tiếng Anh).

Chuyên ngành gần: Các chuyên ngành đào tạo thạc sĩ Ngôn ngữ Anh.

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 05 NCS/năm

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận chuẩn đầu ra

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
I	Học phần bổ sung																			
I.1	Kiến thức chung																			
PHI5002	Triết học	5						4	4	4				4		4	x	x	x	x
	Ngoại ngữ B2							4	4	4			4	4		4	x	x	x	x
I.2	Học phần bắt buộc																			
ENG 6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh) (<i>General Linguistics (English)</i>)					4		4	4	4		5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (<i>Research Methods in Applied Linguistics</i>)	3				4		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6029	Kiểm tra và Đánh giá năng lực ngôn ngữ (<i>Language Testing and Assessment</i>)			5	4	4	5	5	5	4	5	5		4	5	5	x	x	x	x
ENG 6018	Lí luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (<i>Language Teaching Methodology</i>)					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6022	Các lí thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai		5					4	4	4		5		4		4	x	x	x	x

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	<i>(Theories of Second Language Learning)</i>																			
ENG 6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh <i>(Approaches to English Language Teaching Curriculum and Materials Development)</i>					5	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6028	Tâm lí học giảng dạy ngoại ngữ <i>(Psychology for Language Teaching)</i>																			
I.3	Học phần tự chọn																			
ENG 6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành <i>(Content and Language Integrated Learning)</i>				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x
ENG 6011	Ứng dụng công nghệ vào dạy học ngoại ngữ <i>(Technology-based Language Teaching)</i>			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6023	Chính sách giáo dục ngôn ngữ và việc thực hiện <i>(Language-in-education Planning and Policy)</i>	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6027	Lí thuyết về quá trình học <i>(Theories of Learning)</i>					5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ <i>(Bilingualism and Bilingual Education)</i>	3		5				4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
ENG 6202	Lí thuyết ngữ pháp và ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ (Theories of grammar and applications in language teaching)	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6010	Ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ (Phonetics and Phonology in Language Teaching)			4	5			4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (Semantics (English))				4	4				4					4	4	x	x	x	x
ENG 6009	Tiếng Anh viết khoa học (Academic English Writing)				4	4				4					4	4	x	x	x	x
ENG 6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) (Applied Linguistics (English))				4	4				4					4	4	x	x	x	x
ENG 6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (Approaches in Discourse Analysis)				4	4				4					4	4	x	x	x	x
ENG 6007	Giao tiếp giao văn hoá (Cross-Cultural Communication)	3				4	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6033	Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication)	3		5	4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	5	x	x	x	x
ENG 6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (Language, Culture and Society)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh) (Contrastive Linguistics (English))				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (Translation Studies (English))			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
ENG 6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới (<i>World Englishes</i>)			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
ENG 6013	Hoa Kỳ học (<i>American Studies</i>)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
RUS 6001	Ngoại ngữ học thuật (<i>Foreign Languages for Academic Purposes</i>) Tiếng Anh học thuật (<i>Russian for Academic Purposes</i>)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
FRE 6001	Tiếng Pháp học thuật (<i>French for Academic Purposes</i>)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
CHI 6001	Tiếng Trung Quốc học thuật (<i>Chinese for Academic Purposes</i>)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
WES 6001	Tiếng Đức học thuật (<i>German for Academic Purposes</i>)			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
I.4	Chuyên đề nghiên cứu																			

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
SPEE6001	Thiết kế và thực hành nghiên cứu (<i>Research Design and Practice</i>)			4		5	5	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
SPEE6003	Hướng dẫn viết luận văn (<i>Dissertation</i>)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
SPEE6004	Tính tự chủ và cá thể hóa trong quá trình học ngoại ngữ (<i>Autonomy and Individualisation in Foreign Language Learning</i>)				5	5		4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
SPEE6005	Dạy ngoại ngữ cho trẻ em (<i>Teaching Foreign Languages to Younger Learners</i>)	4		5		4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
SPEE6020	Đa ngôn tính và dạy học tích hợp nội dung-ngôn ngữ (<i>Heteroglossia and CLIL Pedagogy</i>)				4	4	4	4	4	4	4	5		4	4	4	x	x	x	x
II	Học phần tiến sĩ																			
II.1	Học phần bắt buộc																			

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
ENG 8009	Lí luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học và dạy ngoại ngữ (<i>Theory and Methods in Linguistic and Language Teaching Research</i>)				4							4	4	4	x	x	x	x	x	x
ENG 8018	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về phương pháp dạy học ngoại ngữ (<i>New Studies and Research Tendencies in Language Teaching Methodology</i>)				4	4			4	4		4	4	4	x	x	x	x	x	x
II.2	Học phần tự chọn																			

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
ENG 8020	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (<i>New Studies and Research Tendencies in Second Language Acquisition</i>)			4			4	4	4	4	4	4	4	4	x	x	x	x	x	x
ENG 8008	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)			4			4	4	4	4	4	4	4	4	x	x	x	x	x	x
ENG 8010	Những quan điểm lí thuyết đương đại về ngôn ngữ học tâm lí (<i>Current Theoretical Perspectives on Psycholinguistics</i>)			4	4		4	4				4	4	4	x	x	x	x	x	x
ENG 8017	Những quan điểm lí thuyết đương đại về đánh giá năng lực ngôn ngữ (<i>Current Theoretical Perspectives in Language Assessment</i>)			4			4	4	4	4	4	4	4	4	x	x	x	x	x	x
ENG 8016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (<i>Translation Studies (English)</i>)			4	4		4	4	4	4	4	4	4	4	x	x	x	x	x	x
ENG 8019	Những quan điểm lí thuyết đương đại về thiết kế chương trình dạy học ngoại ngữ và biên soạn học liệu (<i>Current Theoretical Perspectives on Language Curriculum Design and Materials Development</i>)			4			4	4	4	4	4	4	4	4	x	x	x	x	x	x
III	Chuyên đề tiến sĩ, tiểu luận tổng quan và NCKH																			

Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra																		
		01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
ENG 8021	Phương pháp nghiên cứu					4	4	4	4	4		4	4	4	x	x	x	x	x	x
ENG 8023	Kết quả phân tích dữ liệu và thảo luận					4	4	4	4	4		4	4	4	x	x	x	x	x	x
ENG 8012	Tiểu luận tổng quan	4	4	4		4	4	4	4	4		4	4	4	x	x	x	x	x	x
IV	Sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng và hỗ trợ đào tạo																			
V	Luận án tiến sĩ																			
ENG 9002	Luận án	5	6	5	5	5	5	5	5	5	5	5	4	5	5	5	x	x	x	x

B. Chuẩn đầu ra

1. Chuẩn đầu về kiến thức

1.1. Khối kiến thức chung

PLO01: Vận dụng sáng tạo các nguyên lý, học thuyết trên nền tảng triết học, chủ nghĩa Mác–Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và áp dụng vào việc quản lý, quản trị, giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành nghiên cứu; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.

PLO02: Phân tích có tính khái quát cao và đánh giá chính xác và hiệu quả được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập và nghiên cứu, có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng hoạt động của nhóm nghiên cứu, và định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

PLO03: Vận dụng thành thực năng lực tiếng Anh học thuật nâng cao và ngoại ngữ thứ hai ở mức tương đương bậc 4 trở lên theo khung tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước ngoài để liên tục cập nhật kiến thức liên quan trực tiếp đến đề tài của mình với tư duy mở, nhằm củng cố thế giới quan khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

1.2. Kiến thức nhóm ngành/chuyên ngành

PLO04: Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức nhóm ngành và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học Anh, ngôn ngữ học đối chiếu, ngoại ngữ học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ, về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa.

1.3. Kiến thức của ngành/chuyên ngành

PLO05: Vận dụng tổng hợp được phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức chuyên ngành và liên ngành để rút ra nguyên tắc, quy luật trong quá trình làm nghiên cứu, đưa ra được những sáng kiến, đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và có giá trị thực tiễn; có khả năng đánh giá các sáng kiến trong quá trình nghiên cứu đề tài luận án cũng như đề hoạt động chuyên môn trong môi trường làm việc hội nhập quốc tế;

PLO06: Vận dụng nhuần nhuyễn và sáng tạo dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn hệ thống kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và các kiến thức liên quan để giải quyết trọn

vấn đề nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ thuộc chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh;

PLO07: Vận dụng linh hoạt và tương đối trọn vẹn kiến thức thuộc một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh để hình thành nền tảng phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình.

1.4. Kiến thức chuyên đề tiến sĩ

- Vận dụng kiến thức tương đối trọn vẹn về một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh và làm nền tảng phát triển hướng nghiên cứu của mình.

- Vận dụng kiến thức tương đối trọn vẹn về một đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu tự tích lũy theo yêu cầu và dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn nhằm mục đích trang bị cho mình năng lực nghiên cứu khoa học, cập nhật và nâng cao kiến thức chuyên môn liên quan trực tiếp đến đề tài và giải quyết tốt đề tài luận án tiến sĩ.

- Tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của mình nhằm nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.

1.5. Yêu cầu đối với luận án

Luận án là công trình nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn - có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn các vấn đề thuộc nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, các luận điểm và kết quả nghiên cứu cần bảo vệ. Luận án có thời lượng 80 tín chỉ trong chương trình đào tạo..

Luận án tiến sĩ và tóm tắt luận án được viết bằng tiếng nước ngoài tương ứng kèm theo một bản tóm tắt luận án viết bằng tiếng Việt và được bảo vệ trước hội đồng bằng tiếng nước ngoài. Luận án không quá 300 trang không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài tương ứng, trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án.

1.6. Yêu cầu về số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố

Chất lượng luận án thể hiện qua việc phát hiện và giải quyết những vấn đề mới, đóng góp mới cho khoa học và thực tiễn, đã công bố tối thiểu (trong thời gian làm nghiên cứu sinh) 02 bài báo về kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành trong đó tối thiểu có 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục các tạp chí ISI/Scopus hoặc 02 báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có uy tín xuất bản bằng tiếng nước ngoài có phản biện, có mã số ISBN; hoặc 02 bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài.

2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

PLO08: Có khả năng vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu để định hướng việc giải quyết các vấn đề chung về lý thuyết ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Anh nói riêng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên sâu; có khả năng cho ra đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao;

PLO09: Có kỹ năng xác định chính xác phạm vi đề tài nghiên cứu, làm chủ các công cụ nghiên cứu, có kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích dữ liệu, thiết lập mạng lưới nghiên cứu và công bố sản phẩm nghiên cứu;

PLO10: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh ở trình độ bậc 5 và giao tiếp được bằng ngoại ngữ khác ở trình độ bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu và giao lưu khoa học.

2.2. Kỹ năng khác

PLO11: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

PLO12: Thành thực các kỹ năng làm việc theo nhóm, xây dựng và làm hạt nhân của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu;

PLO13: Khai thác, vận dụng ở trình độ cao các ứng dụng công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích quản lý, điều hành, truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các ứng dụng công nghệ thông tin khác trong việc triển khai và sáng tạo sản phẩm khoa học.

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo, sáng tạo ra tri thức mới;

PLO15: Có tinh thần chủ động vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phức tạp thuộc chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao;

PLO16: Có khả năng thích ứng và tự định hướng khi thực hành nghiên cứu trong chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh và xử lý các nhiệm vụ chuyên môn, có khả năng dẫn dắt người khác trong các hoạt động này;

PLO17: Có tính tự chủ và trách nhiệm cao khi đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia trong các nhiệm vụ đòi hỏi trình độ chuyên môn, học thuật cao;

PLO18: Có tinh thần tích cực, chủ động và trách nhiệm cao trong học tập suốt đời, nghiên cứu để phát triển tri thức chuyên ngành, tích lũy kinh nghiệm thông qua việc trải nghiệm các ý tưởng và quá trình mới trong công việc và cuộc sống.

4. Về phẩm chất đạo đức

PLO19: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội, trung thực trong quá trình thu thập, xử lý và công bố dữ liệu, số liệu nghiên cứu, tuân thủ các yêu cầu và cam kết về đạo đức và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với cộng đồng nghiên cứu và toàn xã hội.

5. Những vị trí công tác nghiên cứu sinh tốt nghiệp có thể đảm nhận

Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh có thể đảm nhận các vị trí công tác chuyên gia đầu ngành về phương pháp dạy học tiếng Anh tại các cơ sở nghiên cứu, đào tạo và quản lý đào tạo trong nước; giảng viên tiếng Anh nòng cốt tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ; giảng viên tiếng Anh chuyên ngành nòng cốt tại các học viện các trường đại học và cao đẳng; nghiên cứu viên tại các trường đại học và viện nghiên cứu.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

- Hướng dẫn đồng nghiệp phát hiện những vấn đề nảy sinh trong chuyên môn trong và ngoài đơn vị, nghiên cứu để tìm ra những giải pháp cho những vấn đề đó, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường.
- Có kỹ năng học tập và nghiên cứu độc lập để không ngừng nâng cao kiến thức chuyên môn, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành học trong phạm vi nhà trường, Quốc gia và Quốc tế.

7. Các chương trình, tài liệu của các cơ sở đào tạo tiến sĩ có uy tín của Quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo

Chương trình đào tạo thạc sỹ - tiến sỹ (chuyên ngành giảng dạy tiếng Anh) tại Đại học Monash, Úc

Chương trình giúp người học có thể:

1. Hiểu biết về những nguyên lý trong việc dạy và học tiếng Anh;
2. Nắm được những lý thuyết và kỹ thuật giảng thụ đặc ngôn ngữ ngoài tiếng mẹ đẻ;
3. Xem xét vai trò các yếu tố văn hóa và xã hội trong việc sử dụng và học ngôn ngữ;
4. Phát triển năng lực trong nhiều lĩnh vực liên quan tới việc thụ đắc ngôn ngữ, bao gồm phát triển tài liệu và giáo trình, kiểm tra đánh giá;
5. Phát triển tư duy phê phán và năng lực phân tích trong việc tiến hành những nghiên cứu liên quan tới lĩnh vực chuyên môn;
6. Mở rộng các kỹ năng nghiên cứu và học tập liên ngành;
7. Thể hiện được năng lực giao tiếp trong quá trình trao đổi ý tưởng trong môi trường học thuật.

Chương trình có cấu trúc 04 phần: Nhập môn giáo dục học; Những phạm trù chính trong giáo dục; Chuyên ngành lý luận & phương pháp giảng dạy tiếng Anh và Nghiên cứu.

Người học sau khi tích lũy được điểm trung bình chung các học phần trên ít nhất là 70%, và điểm tối thiểu là 7.0 ở hai học phần nghiên cứu chuyên sâu trong chương trình đào tạo, có thể được chuyển tiếp học tiến sĩ. Ở bậc học tiến sĩ, NCS cần tham

gia vào các hoạt động chuyên môn phù hợp được đơn vị đào tạo chứng nhận song song với việc hoàn thành khóa luận.

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

1.1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ:

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **171 tín chỉ**

- Phần 1: Các học phần bổ sung: **51 tín chỉ**, trong đó:

+ *Khối kiến thức chung*: **09 tín chỉ**

+ *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành*: **42 tín chỉ**

• *Bắt buộc*: **21 tín chỉ**

• *Tự chọn*: **21 tín chỉ**

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: **24 tín chỉ**

+ Các học phần nghiên cứu sinh: **15 tín chỉ**

• *Bắt buộc*: **06 tín chỉ**

• *Tự chọn*: **09 tín chỉ**

+ Các chuyên đề NCS & tiểu luận tổng quan: **09 tín chỉ**

- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: **96 tín chỉ**

1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **126 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung **06 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: **03 tín chỉ**

+ *Tự chọn*: **03 tín chỉ**

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan **24 tín chỉ**

+ Các học phần NCS: **15 tín chỉ**

• *Bắt buộc*: **06 tín chỉ**

• *Tự chọn*: **09 tín chỉ**

+ Các chuyên đề NCS & tiểu luận tổng quan: **09 tín chỉ**

Phần 3: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: **96 tín chỉ**

1.3. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp:

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **120 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan **24 tín chỉ**

+ Các học phần NCS: **15 tín chỉ**

• *Bắt buộc:* **06 tín chỉ**

• *Tự chọn:* **09 tín chỉ**

+ Các chuyên đề NCS & tiểu luận tổng quan: 03 chuyên đề: **9 tín chỉ**

- Phần 2: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 3: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 4: Luận án tiến sĩ: **96 tín chỉ**

2. Khung chương trình

2.1. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG (các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ)						
I.1	Khối kiến thức chung		9				
1.	PHI 5002	Triết học <i>(Philosophy)</i>	4	(theo Quy định của ĐHQGHN)			
		Ngoại ngữ B2	5				

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
I.2	Khối kiến thức cơ sở chuyên ngành		42				
I.2.1	Bắt buộc		21				
2.	ENG 6020	Ngôn ngữ học đại cương (tiếng Anh) <i>(General Linguistics (English))</i>	3	45			
3.	ENG 6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng <i>(Research Methods in Applied Linguistics)</i>	3	45			
4.	ENG 6029	Kiểm tra và Đánh giá năng lực ngôn ngữ <i>(Language Testing and Assessment)</i>	3	45			
5.	ENG 6018	Lí luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ <i>(Language Teaching Methodology)</i>	3	45			
6.	ENG 6022	Các lí thuyết về quá trình học ngôn ngữ thứ hai <i>(Theories of Second Language Learning)</i>	3	45			
7.	ENG 6006	Các đường hướng xây dựng chương trình và biên soạn học liệu dạy học tiếng Anh <i>(Approaches to English Language Teaching Curriculum and Materials Development)</i>	3	45			
8.	ENG 6028	Tâm lí học giảng dạy ngoại ngữ <i>(Psychology for Language Teaching)</i>	3	45			
I.2.2 Tự chọn			21				
9.	ENG 6030	Dạy ngoại ngữ tích hợp với nội dung chuyên ngành <i>(Content and Language Integrated Learning)</i>	3	45			

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
10.	ENG 6011	Ứng dụng công nghệ vào dạy học ngoại ngữ (<i>Technology-based Language Teaching</i>)	3	45			
11.	ENG 6023	Chính sách giáo dục ngôn ngữ và việc thực hiện (<i>Language-in-education lanning and Policy</i>)	3	45			
12.	ENG 6027	Lí thuyết về quá trình học (<i>Theories of Learning</i>)	3	45			
13.	ENG 6031	Song ngữ và giáo dục song ngữ (<i>Bilingualism and Bilingual Education</i>)	3	45			
14.	ENG 6202	Lí thuyết ngữ pháp và ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ (<i>Theories of grammar and applications in language teaching</i>)	3	45			
15.	ENG 6010	Ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ (<i>Phonetics and Phonology in Language Teaching</i>)	3	45			
16.	ENG 6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	45			
17.	ENG 6009	Tiếng Anh viết khoa học (<i>Academic English Writing</i>)	3	45			
18.	ENG 6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) (<i>Applied Linguistics (English)</i>)	3	45			
19.	ENG 6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (<i>Approaches in Discourse Analysis</i>)	3	45			

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
20.	ENG 6007	Giao tiếp giao văn hoá (<i>Cross-Cultural Communication</i>)	3	45			
21.	ENG 6033	Giao tiếp liên văn hóa (<i>Intercultural Communication</i>)	3	45			
22.	ENG 6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	45			
23.	ENG 6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh) (<i>Contrastive Linguistics (English)</i>)	3	45			
24.	ENG 6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (<i>Translation Studies (English)</i>)	3	45			
25.	ENG 6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới (<i>World Englishes</i>)	3	45			
26.	ENG 6013	Hoa Kỳ học (<i>American Studies</i>)	3	45			
27.	RUS 6001 FRE 6001 CHI 6001 WES 6001	Ngoại ngữ học thuật (<i>Foreign Languages for Academic Purposes</i>) Tiếng Anh học thuật (<i>Russian for Academic Purposes</i>) Tiếng Pháp học thuật (<i>French for Academic Purposes</i>) Tiếng Trung Quốc học thuật (<i>Chinese for Academic Purposes</i>) Tiếng Đức học thuật (<i>German for Academic Purposes</i>)	3	15	15	15	
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ NCS VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I	Các học phần NCS		15				
I.1	Bắt buộc		6				

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
28.	ENG 8009	Lí luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học và dạy ngoại ngữ (<i>Theory and Methods in Linguistic and Language Teaching Research</i>)	3	15	15	15	
29.	ENG 8018	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về phương pháp dạy học ngoại ngữ (<i>New Studies and Research Tendencies in Language Teaching Methodology</i>)	3	15	15	15	
I.2. Tự chọn:			9				
30.	ENG 8020	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (<i>New Studies and Research Tendencies in Second Language Acquisition</i>)	3	15	15	15	
31.	ENG 8008	Những vấn đề mới trong nghiên cứu Dạng học (<i>New Issues in Pragmatics</i>)	3	15	15	15	
33.	ENG 8017	Những quan điểm lí thuyết đương đại về đánh giá năng lực ngôn ngữ (<i>Current Theoretical Perspectives in Language Assessment</i>)	3	15	15	15	
34.	ENG 8016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (<i>Translation Studies (English)</i>)	3	15	15	15	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
35.	ENG 8019	Những quan điểm lí thuyết đương đại về thiết kế chương trình dạy học ngoại ngữ và biên soạn học liệu (<i>Current Theoretical Perspectives on Language Curriculum Design and Materials Development</i>)	3	15	15	15	
II. Chuyên đề tiến sĩ: 03 chuyên đề			9				
36	ENG 8021	Phương pháp nghiên cứu & Phân tích dữ liệu (<i>Research Methodology & Data Analysis</i>)	3			30	
37.	ENG 8023	Kết quả phân tích dữ liệu và thảo luận (<i>Findings and Discussion</i>)	3			45	
38.	ENG 8012	Tiểu luận tổng quan (<i>Literature Review Essay</i>)	3			30	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)							
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO (NCS phải tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng bậc đại học hoặc thạc sỹ hoặc hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học. Các hoạt động trên phải có xác nhận kèm minh chứng của đơn vị đào tạo hoặc phối hợp)							
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ			96				
39.	ENG9002	Luận án (<i>Doctoral Thesis</i>)	96				
		Tổng cộng	171				

2.2. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành gần

TT	Mã học phần phầnphần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG			6				
I.1. Bắt buộc			3				
1.	ENG 6018	Lí luận và phương pháp dạy học ngoại ngữ (<i>Language Teaching Methodology</i>)	3	45	0	0	
I.2. Tự chọn			3				
2.	ENG 6029	Kiểm tra đánh giá năng lực ngôn ngữ (<i>Language Testing and Assessment</i>)	3	45	0	0	
3.	ENG 6011	Ứng dụng công nghệ vào dạy học ngoại ngữ (<i>Technology-based Language Teaching</i>)	3	45	0	0	
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ NCS VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I. Các học phần NCS			15				
I.1. Bắt buộc			6				
4.	ENG 8009	Lí luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học và dạy ngoại ngữ (<i>Theory and Methods in Linguistic and Language Teaching Research</i>)	3	15	15	15	
5.	ENG 8018	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về phương pháp dạy học ngoại ngữ (<i>New Studies and Research Tendencies in Language Teaching Methodology</i>)	3	15	15	15	
I.2. Tự chọn:			9				

TT	Mã học phần phân phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
6.	ENG 8020	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai (<i>New Studies and Research Tendencies in Second Language Acquisition</i>)	3	15	15	15	
7.	ENG 8008	Những vấn đề mới trong nghiên cứu Dụng học (<i>New Issues in Pragmatics</i>)	3	15	15	15	
8.	ENG 8010	Những quan điểm lí thuyết đương đại về ngôn ngữ học tâm lí (<i>Current Theoretical Perspectives on Psycholinguistics</i>)	3	15	15	15	
9.	ENG 8017	Những quan điểm lí thuyết đương đại về đánh giá năng lực ngôn ngữ (<i>Current Theoretical Perspectives in Language Assessment</i>)	3	15	15	15	
10	ENG 8006	Một số vấn đề lý luận và phương pháp dịch thuật (<i>Some Theoretical and Methodological Issues of Translation</i>)	3	15	15	15	
11.	ENG 8019	Những quan điểm lí thuyết đương đại về thiết kế chương trình dạy học ngoại ngữ và biên soạn học liệu (<i>Current Theoretical Perspectives on Language Curriculum Design and Materials Development</i>)	3	15	15	15	

TT	Mã học phần phân phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
II.	Chuyên đề NCS: 03 chuyên đề		9				
12.	ENG 8021	Phương pháp nghiên cứu (Research Methodology)	3			30	
13.	ENG 8023	Kết quả phân tích dữ liệu và thảo luận (Findings and Discussion)	3			45	
14.	ENG 8012	Tiểu luận tổng quan (Literature Review Essay)	3	0	0	30	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)							
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO (NCS phải tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng bậc đại học hoặc thạc sỹ hoặc hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học. Các hoạt động trên phải có xác nhận kèm minh chứng của đơn vị đào tạo hoặc phối hợp)							
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ			96				
15.	ENG 9002	Luận án (Doctoral Thesis)	96				
		Tổng cộng	126				

2.3. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sỹ ngành đúng hoặc phù hợp

TT	Mã học phần	Tên học phần <i>(ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)</i>	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ NCS VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I. Các học phần NCS			15				
I.1. Bắt buộc:			6				
1.	ENG 8009	Lí luận và phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học và dạy ngoại ngữ <i>(Theory and Methods in Linguistic and Language Teaching Research)</i>	3	15	15	15	
2.	ENG 8018	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về phương pháp dạy học ngoại ngữ <i>(New Studies and Research Tendencies in Language Teaching Methodology)</i>	3	15	15	15	
I.2	Tự chọn:		9/15				
3.	ENG 8020	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về tiếp thụ ngôn ngữ thứ hai <i>(New Studies and Research Tendencies in Second Language Acquisition)</i>	3	15	15	15	
4.	ENG 8008	Những vấn đề mới trong nghiên cứu Dạng học <i>(New Issues in Pragmatics)</i>	3	15	15	15	
5.	ENG 8006	Một số vấn đề lý luận và phương pháp dịch thuật <i>(Some Theoretical and Methodological Issues of Translation)</i>	3	15	15	15	
7.	ENG 8017	Những quan điểm lí thuyết đương đại về đánh giá năng lực ngôn ngữ <i>(Current Theoretical Perspectives in Language Assessment)</i>	3	15	15	15	

TT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lí thuyết	Thực hành	Tự học	
8.	ENG 8019	Những quan điểm lí thuyết đương đại về thiết kế chương trình dạy học ngoại ngữ và biên soạn học liệu (<i>Current Theoretical Perspectives on Language Curriculum Design and Materials Development</i>)	3	15	15	15	
Các chuyên đề tiến sĩ: 03 chuyên đề			9			120	
9.	ENG 8021	Phương pháp nghiên cứu & Phân tích dữ liệu (<i>Research Methodology & Data Analysis</i>)	3			30	
10.	ENG 8023	Kết quả phân tích dữ liệu và thảo luận (<i>Findings and Discussion</i>)	3			45	
11.	ENG 8012	Tiểu luận tổng quan (<i>Literature Review Essay</i>)	3			30	
PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)							
PHẦN 3. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO (NCS phải tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng bậc đại học hoặc thạc sĩ hoặc hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học. Các hoạt động trên phải có xác nhận kèm minh chứng của đơn vị đào tạo hoặc phối hợp)							
III	PHẦN 4.	LUẬN ÁN TIẾN SĨ	96				
12.	ENG 9002	Luận án (<i>Doctoral Thesis</i>)	96				
		Tổng cộng	120				

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

NGÀNH: **NGÔN NGỮ ANH**

CHUYÊN NGÀNH: **NGÔN NGỮ ANH**

MÃ NGÀNH: **9220201**

MÃ CHUYÊN NGÀNH: **9220201.01**

(Ban hành theo Quyết định số 1648/QĐ-ĐHNN, ngày 20 tháng 7 năm 2023 của Hiệu trưởng, trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chuyên ngành đào tạo

Tên chuyên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: **Ngôn ngữ Anh**

+ Tên tiếng Anh: **English Linguistics**

- Mã số chuyên ngành đào tạo: 9220201.01

- Tên ngành đào tạo:

+ Tên tiếng Việt: **Ngôn ngữ Anh**

+ Tên tiếng Anh: **English Linguistics**

- Trình độ đào tạo: **Tiến sĩ**

- Tên văn bằng tốt nghiệp:

+ Tên tiếng Việt: **Tiến sĩ ngành Ngôn ngữ Anh**

+ Tên tiếng Anh: **Doctor of Philosophy in English Linguistics**

- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Ngoại ngữ - ĐHQGHN

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh đào tạo những nhà chuyên môn nắm vững một cách có hệ thống những vấn đề lý thuyết về ngôn ngữ học, có kiến

thức lí thuyết toàn diện và nâng cao về ngôn ngữ học nói chung, ngôn ngữ học tiếng Anh nói riêng và các khoa học có liên quan; có kiến thức chuyên sâu cập nhật về ngôn ngữ - văn hoá các nước nói tiếng Anh trong mối tương quan với ngôn ngữ - văn hóa chung của nhân loại; có tư duy phê phán trong nghiên cứu, có khả năng độc lập nghiên cứu, độc lập xác định vấn đề, độc lập giải quyết các vấn đề có ý nghĩa trong nghiên cứu ngôn ngữ học tiếng Anh và đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt, trong nghiệp vụ biên dịch, phiên dịch và giảng dạy tiếng; có những phẩm chất và kĩ năng cá nhân cũng như nghề nghiệp ở trình độ cao để trở thành các chuyên gia, các nhà khoa học có thể hướng dẫn, tổ chức các hoạt động nghiên cứu trong lĩnh vực chuyên môn của mình.

Chương trình cung cấp cho các đối tượng nghiên cứu sinh một hệ thống kiến thức, kĩ năng nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện. Hệ thống kiến thức, kĩ năng nghiên cứu bao gồm việc xác định đề tài, phạm vi nghiên cứu, thiết lập và tiến hành các phương pháp nghiên cứu và công bố công trình nghiên cứu. Nghiên cứu sinh tốt nghiệp chương trình có tầm nhận thức bao quát, toàn diện và cụ thể về vai trò của nghiên cứu và của người nghiên cứu đối với sự phát triển chung của xã hội. Nghiên cứu sinh tốt nghiệp có thể tự thiết lập môi trường nghiên cứu, có khả năng xây dựng các cộng đồng nghiên cứu, thiết lập mạng lưới nghiên cứu để phục vụ cho hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình và xây dựng các chuyên ngành nghiên cứu mới để đáp ứng sự phát triển về nhu cầu của xã hội.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh tại Trường ĐHNN-ĐHQGHN phải phù hợp với mục tiêu của bậc học tiến sĩ do nhà nước Việt Nam qui định là “đào tạo những chuyên gia có trình độ cao về lí thuyết và thực hành, có năng lực nghiên cứu độc lập, sáng tạo, giải quyết những vấn đề khoa học - công nghệ và hướng dẫn hoạt động chuyên môn”. Mục tiêu này được cụ thể hoá trong chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh như sau:

Về kiến thức: Đào tạo những nhà khoa học có trình độ lí thuyết cao về ngôn ngữ học tiếng Anh, đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt và các khoa học liên quan; có kiến thức sâu rộng về ngôn ngữ và văn hoá các nước nói tiếng Anh; có trình độ chuyên môn cao trong các lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ và ngôn ngữ học ứng dụng; chủ động, sáng tạo trong việc phát hiện, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề khoa học trong lĩnh vực chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt; có khả năng cập nhật thông tin liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của mình để không ngừng hoàn thiện và nâng cao kiến thức chuyên sâu của cá nhân.

Về kĩ năng: Phát triển kĩ năng tư duy phê phán, tư duy và hành động độc lập, kĩ năng lập luận, kĩ năng xác lập phạm vi nghiên cứu, kĩ năng xây dựng đề tài nghiên cứu, kĩ năng thiết kế nghiên cứu, kĩ năng xây dựng và tiến hành các pháp nghiên cứu cụ thể, kĩ năng thu thập dữ liệu và phân tích dữ liệu, kĩ năng truy cập và sử dụng các phần mềm hỗ trợ nghiên cứu, kĩ năng tương tác trong nghiên cứu, kĩ năng thiết lập mạng lưới nghiên cứu, kĩ năng viết khoa học và kĩ năng công bố các sản phẩm nghiên cứu.

Về nghiên cứu: Phát triển các phương pháp nghiên cứu tiên tiến giúp nghiên cứu sinh tốt nghiệp độc lập thực hiện và hướng dẫn thực hiện các nghiên cứu khoa học với hiệu quả và tính thực tiễn cao nhất, giải quyết một cách chủ động, sáng tạo các vấn đề đặt ra trong chuyên ngành Ngôn ngữ Anh và đối chiếu ngôn ngữ Anh-Việt, thiết lập các chuyên ngành nghiên cứu mới, định hướng và phát triển môi trường nghiên cứu tại cơ quan công tác, liên kết với các trung tâm nghiên cứu trong nước và nước ngoài, v.v...

Về phẩm chất, thái độ nghiên cứu: Đào tạo những nhà nghiên cứu có niềm đam mê nghiên cứu thực sự, kiên trì theo đuổi ý tưởng nghiên cứu, có khát khao mở rộng kiến thức và địa hạt nghiên cứu, có óc sáng tạo, có sáng kiến, biết tạo ra cái mới, mong muốn nghiên cứu những đề tài có tác động đến xã hội, hoặc những đề tài mà xã hội quan tâm, có tính trung thực, có thái độ hợp tác, chia sẻ trong nghiên cứu.

Về phẩm chất chính trị: Góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học của chuyên ngành có phẩm chất chính trị, phẩm chất đạo đức, có ý thức phục vụ cộng đồng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, khoa học công - nghệ của đất nước, có tinh thần trách nhiệm đối với sự nghiệp phát triển khoa học của cơ quan công tác và của toàn xã hội.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh

- Xét tuyển theo quy định của ĐHQGHN.

- Xét tuyển đối với người nước ngoài

Thí sinh người nước ngoài thực hiện việc xét tuyển đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ theo Quyết định số 4848/QĐ-ĐHQGHN ngày 18 tháng 12 năm 2017 của Giám đốc ĐHQGHN ban hành quy định về việc thu hút và quản lý sinh viên quốc tế tại ĐHQGHN.

Thí sinh người nước ngoài dự tuyển các chương trình đào tạo thạc sĩ/tiến sĩ trúng tuyển và nhập học có nguyện vọng làm đơn xin cấp học bổng hỗ trợ chi phí học tập, nghiên cứu của Trường Đại học Ngoại ngữ. Thủ tục và quy trình xét cấp học bổng cho thí sinh dự tuyển đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ được thực hiện theo thông báo số 54/TB-ĐHNN ngày 15/01/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Ngoại ngữ về việc cấp học bổng hỗ trợ chi phí học tập, nghiên cứu và công bố quốc tế đối với thí sinh người nước ngoài dự tuyển các chương trình đào tạo sau đại học bậc thạc sĩ và tiến sĩ.

3.2. Điều kiện dự tuyển đào tạo tiến sĩ

Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo tiến sĩ phải đáp ứng những điều kiện sau đây:

a) Yêu cầu chung đối với người dự tuyển:

- Lí lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành án hình sự, kỉ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

- Có đủ sức khoẻ để học tập.

- Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học chính quy hạng Giỏi trở lên ngành đúng, phù hợp, hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam. Văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

- Đáp ứng yêu cầu đầu vào theo chuẩn chương trình đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và của chương trình đào tạo tiến sĩ đăng ký dự tuyển.

- Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của CTĐT định hướng nghiên cứu và các công trình công bố theo quy định đơn vị đào tạo (nếu có). Riêng các thí sinh có bằng thạc sĩ định hướng ứng dụng hoặc dự tuyển từ cử nhân thì phải là tác giả hoặc đồng tác giả tối thiểu 01 bài báo thuộc tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc 01 báo cáo khoa học đăng tại kỉ yếu của các hội nghị, hội thảo khoa học quốc gia hoặc quốc tế có phản biện, có mã số xuất bản ISBN liên quan đến lĩnh vực hoặc đề tài

nghiên cứu, được hội đồng chức danh giáo sư, phó giáo sư của ngành/liên ngành công nhận.

- Có đề cương nghiên cứu chi tiết, trong đó nêu rõ tên đề tài dự kiến, lĩnh vực nghiên cứu; lí do lựa chọn lĩnh vực, đề tài nghiên cứu; giản lược về tình hình nghiên cứu lĩnh vực đó trong và ngoài nước; mục tiêu nghiên cứu; một số nội dung nghiên cứu chủ yếu; phương pháp nghiên cứu và dự kiến kết quả đạt được; lí do lựa chọn đơn vị đào tạo; kế hoạch thực hiện trong thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh cho việc thực hiện luận án tiến sĩ. Trong đề cương có thể đề xuất cán bộ hướng dẫn.

- Có thư giới thiệu của ít nhất 02 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực chuyên môn mà người dự tuyển dự định nghiên cứu. Thư giới thiệu phải có những nhận xét, đánh giá người dự tuyển về:

- + Phẩm chất đạo đức, năng lực và thái độ nghiên cứu khoa học, trình độ chuyên môn của người dự tuyển;

- + Đối với nhà khoa học đáp ứng các tiêu chí của người hướng dẫn nghiên cứu sinh (theo quy chế đào tạo tiến sĩ hiện hành tại ĐHQGHN) và đồng ý nhận làm cán bộ hướng dẫn luận án, cần bổ sung thêm nhận xét về tính cấp thiết, khả thi của đề tài, nội dung nghiên cứu; và nói rõ khả năng huy động nghiên cứu sinh vào các đề tài, dự án nghiên cứu cũng như nguồn kinh phí có thể chi cho hoạt động nghiên cứu của nghiên cứu sinh.

- + Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

- Có công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lí trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu người dự tuyển là công chức, viên chức);

- Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển (đối với thí sinh có bằng cử nhân dự tuyển sau 12 tháng kể từ ngày được cấp bằng và thí sinh có bằng thạc sĩ).

- Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính trong quá trình đào tạo theo quy định của đơn vị đào tạo.

b) Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ thứ hai phù hợp với yêu cầu về ngoại ngữ của chương trình đào tạo, được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;
 - Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài hoặc ngành sư phạm ngôn ngữ nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;
 - Một trong các chứng chỉ ngoại ngữ tương đương trình độ Bậc 4 trở lên (theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) trong thời hạn 2 năm kể từ ngày thi chứng chỉ ngoại ngữ đến ngày đăng ký dự tuyển, được Bộ Giáo dục và Đào tạo, ĐHQGHN công nhận (quy định tại Phụ lục 6 và Phụ lục 7 của Thông báo này). Riêng đối với các ngoại ngữ khác tiếng Anh, trong năm 2023, đơn vị có thể sử dụng giấy chứng nhận năng lực ngoại ngữ (đủ 4 kỹ năng) được ĐHQGHN công.
- c) Người dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học chương trình đào tạo tiến sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương) trở lên mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có) trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo.
- d) Thí sinh đăng ký dự tuyển đào tạo tiến sĩ theo Đề án 89 của Bộ GD&ĐT phải đáp ứng tiêu chuẩn tham gia tuyển chọn tại Điều 5 Thông tư 25/2021/TT-BGDĐT ngày 08/09/2021.

Thí sinh dự tuyển đáp ứng điều kiện tại Điều 4 Quy định xét cấp học bổng của ĐHQGHN cho nghiên cứu sinh và thực tập sinh sau tiến sĩ có năng lực nghiên cứu xuất sắc ban hành theo QĐ số 3688/QĐ-ĐHQGHN ngày 19/11/2021 của Giám đốc ĐHQGHN có thể nộp hồ sơ đăng ký xét cấp học bổng dành cho nghiên cứu sinh có năng lực nghiên cứu xuất sắc.

Đạt đủ điều kiện về kinh nghiệm và thâm niên công tác 24 tháng tính đến ngày đăng ký dự tuyển (đối với thí sinh có bằng cử nhân dự tuyển sau 12 tháng kể từ ngày được cấp bằng và thí sinh có bằng thạc sĩ).

BẢNG THAM CHIẾU CÁC CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI

TT	Chứng chỉ	Trình độ
1	TOEFL iBT	45 - 93
2	IELTS	5 - 6.5
3	Cambridge examination	CAE 45-59 PET Pass with Distinction
4	CIEP/Alliance française diplomas	TCF B2 DELF B2 Diplôme de Langue
5	Goethe -Institut	Goethe- Zertifikat B2 Zertifikat Deutsch für den Beruf (ZDfB)
6	TestDaF	TDN3- TDN4
7	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4
8	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N2
9	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2

3.3. Danh mục các chuyên ngành, phù hợp và chuyên ngành gần

Chuyên ngành phù hợp: Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh)

Chuyên ngành gần: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 05 NCS/năm

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

A. Ma trận đầu ra

MA TRẬN PLO CTĐT TIẾN SỸ TRONG MÔI TƯỜNG QUAN VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA (BẬC 8) CHUYÊN NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

Chuẩn đầu ra CTĐT		Kiến thức			Kỹ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm				
Mã PLO	Nội dung PLO	KT1	KT2	KT3	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	TCTN1	TCTN2	TCTN3	TCTN4	TCTN5
1	Về kiến thức														
1.1.	Kiến thức chung														
PLO01	Vận dụng sáng tạo các kiến thức nền tảng về triết học, chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và áp dụng vào việc quản lý, giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành nghiên cứu; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh;	x	x	x	x	x	x			x	x	x	x	x	x
PLO02	Phân tích có tính khái quát cao và đánh giá chính xác và hiệu quả các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập và nghiên cứu, có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng hoạt động của nhóm nghiên cứu và định hướng phát triển chiến lược của tập thể;	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x
PLO03	Vận dụng thành thực năng lực tiếng Anh học thuật nâng cao và ngoại ngữ thứ hai ở mức tương đương bậc 4 trở lên theo khung tham chiếu các chứng chỉ tiếng nước	x	x		x	x		x	x		x	x	x	x	x

	ngoài để liên tục cập nhật kiến thức liên quan trực tiếp đến đề tài của mình với tư duy mở, nhằm củng cố thế giới quan khoa học, nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và giải quyết một số nội dung của đề tài luận án.													
1.2.	Kiến thức nhóm ngành/ chuyên ngành													X
PLO04	Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức nhóm ngành và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học Anh, ngôn ngữ học đối chiếu, ngoại ngữ học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ, về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa.	X	X		X	X		X		X	X	X	X	X
1.3.	Kiến thức ngành/ chuyên ngành													X
PLO05	Vận dụng tổng hợp được phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức chuyên ngành và liên ngành để rút ra nguyên tắc, quy luật trong quá trình làm nghiên cứu, đưa ra được những sáng kiến, đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và có giá trị thực tiễn; có khả năng đánh giá các sáng kiến trong quá trình nghiên cứu đề tài luận án cũng như để hoạt động chuyên môn trong môi trường làm việc hội nhập quốc tế;	X	X		X	X		X		X	X	X	X	X
PLO06	Vận dụng nhuần nhuyễn và sáng tạo dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn hệ thống kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và các kiến thức liên quan để giải quyết trọn vẹn vấn đề nghiên cứu của đề tài luận án tiến sĩ thuộc chuyên ngành Ngôn ngữ Anh;	X	X		X	X		X		X	X	X	X	X
PLO07	Vận dụng linh hoạt và tương đối trọn vẹn kiến thức thuộc một lĩnh vực khoa học mang tính cốt lõi của chuyên ngành Ngôn ngữ Anh để hình thành nền tảng phát triển hướng nghiên cứu chuyên sâu của mình.	X	X		X	X		X		X	X	X	X	X
2	Về kỹ năng													
2.1.	Kỹ năng chuyên môn													

PLO08	Có khả năng vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu để định hướng việc giải quyết các vấn đề chung về lý thuyết ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Anh nói riêng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên sâu; có khả năng cho ra đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao;	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x	x
PLO09	Có kỹ năng xác định chính xác phạm vi đề tài nghiên cứu, làm chủ các công cụ nghiên cứu, có kỹ năng thu thập và xử lý dữ liệu, phân tích dữ liệu, thiết lập mạng lưới nghiên cứu và công bố sản phẩm nghiên cứu;	x	x		x	x		x		x	x	x	x	x	x
PLO10	Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh ở trình độ bậc 5 và giao tiếp được bằng ngoại ngữ khác ở trình độ bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu và giao lưu khoa học.	x			x	x		x	x	x	x	x	x	x	x
2.2.	Kỹ năng khác														
PLO11	Vận dụng các kỹ năng của thể kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO12	Thành thực các kỹ năng làm việc theo nhóm, xây dựng và làm hạt nhân của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu;	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PLO13	Khai thác, vận dụng ở trình độ cao các ứng dụng công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích quản lý, điều hành, truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các ứng dụng công nghệ thông tin khác trong việc triển khai và sáng tạo sản phẩm khoa học.	x	x		x	x	x	x			x	x	x	x	x
PLO14	Sử dụng được 1 ngoại ngữ 2 ở bậc 4/6														

3	Về năng lực tự chủ và trách nhiệm													
PLO15	Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo, sáng tạo ra tri thức mới;	x	x		x	x	x		x		x	x	x	x
PLO16	Có tinh thần chủ động vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phức tạp thuộc ngành Ngôn ngữ Anh và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ Anh với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao;	x	x		x	x		x			x	x	x	x
PLO17	Có khả năng thích ứng và tự định hướng khi thực hành nghiên cứu trong chuyên ngành ngôn ngữ Anh và xử lý các nhiệm vụ chuyên môn, có khả năng dẫn dắt người khác trong các hoạt động này;	x	x		x	x		x	x		x	x	x	x
PLO18	Có tính tự chủ và trách nhiệm cao khi đưa ra những quyết định mang tính chuyên gia trong các nhiệm vụ đòi hỏi trình độ chuyên môn, học thuật cao;	x	x	x	x	x	x	x	x		x	x	x	x
PLO19	Có tinh thần tích cực, chủ động và trách nhiệm cao trong học tập suốt đời, nghiên cứu để phát triển tri thức chuyên ngành, tích lũy kinh nghiệm thông qua việc trải nghiệm các ý tưởng và quá trình mới trong công việc và cuộc sống.	x	x		x	x		x	x		x	x	x	x
4	Về phẩm chất đạo đức													
PLO 20	Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội, trung thực trong quá trình thu thập, xử lý và công bố dữ liệu, số liệu nghiên cứu, tuân thủ các yêu cầu và cam kết về	x	x		x	x		x	x		x	x	x	x

	đạo đức và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với cộng đồng nghiên cứu và toàn xã hội														
--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

BẢNG MA TRẬN KHUNG CHƯƠNG TRÌNH TIẾN SĨ NGÔN NGỮ ANH

		PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14	PLO15	PLO16	PLO17	PLO18	PLO19
PHẦN 1	CÁC HP BỔ SUNG CỦA ĐÀO TẠO THS																			
PHI5002	Triết học						5				4	4				x	x			x
ENG6020	Ngôn ngữ học đại cương	4		4					4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh)	4		4					4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh)	5		4					4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6024	Ngôn ngữ học tri nhận	4		4					4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6007	Giao tiếp giao văn hóa	4		4					4	4	5	5	5	5		x	x	x	x	x
ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn	4		4			4		4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong NNH ứng dụng	4		4	4	4		5	5	5	5	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa	4		4					4	4	5	5	4	5		x	x	x	x	x
ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học	4		4							4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6010	Ngữ âm và âm vị học trong giảng dạy ngoại ngữ	5		4					4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6202	Lí thuyết ngữ pháp và ứng dụng trong GDNN	5		4					4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6204	Ngữ pháp chức năng	5		4					4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6013	Hoa kỳ học	4		4					4	4	4	4		5		x	x	x	x	x
ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh)	5		4				4	4	4	5	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh)	4		4					4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội	4		4			4		4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6205	Dụng học	5		4					4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6206	Chiến lược giao tiếp	5		4					4	4	4	5	4	5		x	x	x	x	x
ENG6017	Tiếng Anh chuyên ngành	4		4				5	4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
ENG6025	Các biến thể tiếng Anh trên thế giới	5		4			4		4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x

ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông	5		4				4	4	4	4	5	5		x	x	x	x	x
ENG6032	Ngôn ngữ văn học	4		4				4	4	4	4	4	5		x	x	x	x	x
Nhiều mã	Ngoại ngữ học thuật			4			5			5	5	4		4	x	x	x	x	x
PHẦN 2	CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ NCS VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN																		
ENG8005	Những NC và phương hướng NC mới trong NNHUD			5	5	5		4	5	5	5	4	4	5		x	x	x	x
ENG8001	Những vấn đề mới trong NNH đại cương và đối chiếu NN			5				4	5	5	5	4	4	5		x	x	x	x
ENG8002	Những NC và phương hướng NC mới về GLTVH và GTGVH			5				4	5	5	5	4	4	5		x	x	x	x
ENG8004	Ngữ pháp chức năng hệ thống			5				4	4	4	5	4	4	5		x	x	x	x
ENG8006	Một số vấn đề lý luận và phương pháp dịch thuật	4		5				4	4	4	5	4	4	5		x	x	x	x
ENG8007	Phân tích diễn ngôn phê phán	4		5			4	4	4	4	5	4	4	5		x	x	x	x
ENG8010	Những quan điểm và lý thuyết đương đại về NNH tâm lý	5		5				4	4	4	5	4	4	5		x	x	x	x
ENG8025	Những vấn đề mới về ngôn ngữ học tri nhận	4		5				4	5	5	5	4	4	5		x	x	x	x
ENG8021	Phương pháp nghiên cứu		5		5	5	4	5	5	5	5	5	5	5		x	x	x	x
ENG8022	Phân tích dữ liệu		5		5	5	4	5	5	5	5	5	5	5		x	x	x	x
ENG8023	Phân tích dữ liệu và thảo luận		5		5	5	4	5	5	5	5	5	5	5		x	x	x	x
ENG8024	Tiểu luận tổng quan		6		5	5	4	5	5	5	5	5	5	5		x	x	x	x
	Luận án tốt nghiệp	5	6	6	6	6	5	6	6	6	5	6	5	5	4	x	x	x	x
		KIẾN THỨC						KỸ NĂNG								TỰ CHỦ & TRÁCH NHIỆM			

B. Chuẩn đầu ra

1.1 Kiến thức chung (đối với NCS từ cử nhân)

PLO 1: Vận dụng sáng tạo các nguyên lý, học thuyết trên nền tảng triết học, chủ nghĩa Mác–Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh và áp dụng vào việc quản lý, quản trị, giải quyết các vấn đề của nhóm chuyên ngành và chuyên ngành nghiên cứu; có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường; có tư duy mới trong tổ chức công việc chuyên môn và nghiên cứu để giải quyết các vấn đề phức tạp phát sinh.

PLO 2: Phân tích có tính khái quát cao và đánh giá chính xác và hiệu quả được các chính sách và nguồn lực phục vụ việc quản lý, điều phối hoạt động học tập và nghiên cứu, có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng hoạt động của nhóm nghiên cứu, và định hướng phát triển chiến lược của tập thể.

PLO 3: Vận dụng tổng hợp được phương pháp luận nghiên cứu khoa học, kiến thức chuyên ngành và liên ngành để rút ra nguyên tắc, quy luật trong quá trình làm nghiên cứu, đưa ra được những sáng kiến, những đề xuất của chuyên gia hàng đầu với luận cứ chắc chắn về khoa học và thực tiễn có giá trị; có khả năng đánh giá giá trị của các sáng kiến trong việc tổ chức nghiên cứu đề tài luận án cũng như để hoạt động chuyên môn trong môi trường làm việc hội nhập quốc tế.

1.2 Kiến thức nhóm ngành/chuyên ngành

PLO04: Vận dụng sáng tạo hệ thống kiến thức nhóm ngành và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học Nga, ngôn ngữ học đối chiếu, ngoại ngữ học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ, về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa.

1.3 Kiến thức của ngành/chuyên ngành

PLO 5: Vận dụng nhuần nhuyễn và sáng tạo dưới sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn hệ thống kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và các kiến thức liên quan để giải quyết trọn vẹn vấn đề nghiên cứu đề tài luận án tiến sĩ thuộc ngành Ngôn ngữ học.

1.4. Kiến thức chuyên đề tiến sĩ

PLO 6: Vận dụng sáng tạo các khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành về ngôn ngữ học đại cương, ngôn ngữ học ứng dụng, ngôn ngữ học Anh, ngôn ngữ học đối chiếu, ngoại ngữ học thuật, phương pháp dạy học ngoại ngữ và các hiểu biết chuyên sâu về các vấn đề văn hóa, giao văn hóa và liên văn hóa

PLO 7: Có khả năng vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu để định hướng việc giải quyết các vấn đề chung về lý thuyết ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Anh nói riêng, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên sâu, có khả năng cho ra đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao

1.5 Yêu cầu đối với luận án

Luận án là công trình nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, trong đó chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn các vấn đề thuộc nhiệm vụ nghiên cứu của luận án, các luận điểm và kết quả nghiên cứu cần bảo vệ. Luận án được tính tối thiểu 80% thời lượng của chương trình đào tạo.

Luận án tiến sĩ và tóm tắt luận án được viết bằng tiếng nước ngoài tương ứng kèm theo một bản tóm tắt luận án viết bằng tiếng Việt và được bảo vệ trước hội đồng bằng tiếng nước ngoài. Luận án không quá 300 trang không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh.

Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài tương ứng, trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án.

1.6 Yêu cầu về số lượng và chất lượng các công trình khoa học được công bố

a) Yêu cầu về chất lượng luận án thể hiện qua việc phát hiện và giải quyết những vấn đề mới, đóng góp mới cho khoa học và thực tiễn. Nghiên cứu sinh công bố kết quả nghiên cứu của luận án trên tạp chí khoa học chuyên ngành với vai trò là tác giả chính (tác giả tên đầu/tác giả liên hệ) có tổng điểm đạt từ 2,0 trở lên tính theo điểm tối đa do Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định cho mỗi loại công trình (là tác giả chính, không chia điểm khi có đồng tác giả). Các công bố quốc tế phải được viết bằng tiếng nước ngoài, các bài báo đăng trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước phải thuộc danh mục được Hội đồng Giáo sư nhà nước quy định khung điểm đánh giá tối thiểu 0,75 điểm và phải đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Có tối thiểu 01 bài đăng trên tạp chí khoa học thuộc danh mục Web of Science hoặc Scopus (sau đây gọi chung là danh mục WoS/Scopus);
 - Có 01 bằng phát minh sáng chế/giải pháp hữu ích đã được cấp và tối thiểu 01 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN;
 - Có tối thiểu 02 bài báo/báo cáo quốc tế thuộc một trong các ấn phẩm sau: (i) chương sách tham khảo do các nhà xuất bản quốc tế có uy tín phát hành, hoặc (ii) sách chuyên khảo do các nhà xuất bản có uy tín quốc tế phát hành, hoặc (iii) báo cáo trong kỷ yếu hội thảo quốc tế có phản biện, có mã số ISBN, hoặc (iv) bài báo đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành có uy tín của nước ngoài có phản biện, có mã số ISSN.
- b) Yêu cầu về kiến thức chuyên môn;
- c) Yêu cầu về năng lực nghiên cứu;
- d) Yêu cầu về kỹ năng:
- Kỹ năng nghề nghiệp;

- Kỹ năng hỗ trợ;

đ) Yêu cầu về mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- Trách nhiệm công dân;

- Trách nhiệm, đạo đức, ý thức và tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ;

e) Vị trí làm việc của nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp;

g) Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp;

h) Các chương trình, tài liệu của các cơ sở đào tạo tiến sĩ có uy tín của quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo.

1. Yêu cầu về chất lượng luận án

1. Luận án tiến sĩ phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

a) Luận án tiến sĩ là kết quả nghiên cứu khoa học của nghiên cứu sinh, chứa đựng những đóng góp mới về lý luận và thực tiễn ở lĩnh vực chuyên môn, có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học và giải quyết trọn vẹn vấn đề đặt ra của đề tài luận án;

b) Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 03 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 06 tháng/1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Những kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét cho nghiên cứu sinh bảo vệ luận án;

c) Có cam đoan và chữ ký của nghiên cứu sinh về nội dung luận án;

d) Cấu trúc của luận án tiến sĩ phải đảm bảo tối thiểu có các phần sau:

- Mở đầu: giới thiệu tóm tắt về công trình nghiên cứu, lý do lựa chọn đề tài, mục đích, đối tượng, phạm vi nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, ý nghĩa khoa học hoặc thực tiễn của đề tài;

- Tổng quan về vấn đề nghiên cứu: phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu liên quan trực tiếp đến đề tài luận án đã được công bố ở trong và ngoài nước, chỉ ra

những vấn đề mà luận án sẽ tập trung giải quyết, xác định mục tiêu của đề tài, nội dung và phương pháp nghiên cứu;

- Cơ sở lý thuyết, lý luận và giả thuyết khoa học; phương pháp nghiên cứu; kết quả nghiên cứu và phân tích đánh giá;
- Kết luận và kiến nghị: trình bày những phát hiện mới, những kết luận rút ra từ kết quả nghiên cứu; kiến nghị về những nghiên cứu tiếp theo;
- Danh mục tài liệu tham khảo được trích dẫn và sử dụng trong luận án;
- Danh mục các công trình/bài báo đã công bố liên quan đến đề tài luận án của nghiên cứu sinh kèm theo văn bản đồng ý của các đồng tác giả (nếu có);
- Phụ lục (nếu có).

đ) Tuân thủ các quy định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ được quy định tại Luật Sở hữu trí tuệ: Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính nghiên cứu sinh thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó nghiên cứu sinh đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó đồng ý cho nghiên cứu sinh sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án;

e) Luận án và tất cả các công trình nghiên cứu khoa học trước khi gửi xuất bản, công bố hoặc bảo vệ phải được kiểm tra sao chép, trùng lặp;

g) Yêu cầu về công bố khoa học: Đáp ứng yêu cầu tối thiểu về công bố theo chuẩn đầu ra tại điểm a, khoản 3, **Error! Reference source not found.** của Quy chế 3 638;

h) Luận án được viết bằng tiếng Việt, sử dụng chữ thuộc mã Unicode, loại chữ Times New Roman, cỡ chữ 13, và không quá 200 trang A4 đối với lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật, công nghệ và không quá 300 trang đối với các lĩnh vực còn lại, không kể phụ lục, trong đó có cam đoan của nghiên cứu sinh về nội dung luận án, ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh;

i) Bản tóm tắt luận án phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 03 đến 05 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày tóm tắt những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những kết quả nghiên cứu, đóng góp quan trọng nhất của luận án;

k) Khuyến khích nghiên cứu sinh viết luận án và bảo vệ luận án bằng tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài khác;

l) Đối với các chuyên ngành ngoại ngữ, luận án và tóm tắt luận án được viết bằng tiếng nước ngoài tương ứng, kèm theo một bản tóm tắt luận án viết bằng tiếng Việt và luận án được bảo vệ trước Hội đồng bằng tiếng nước ngoài.

2. . Chuẩn đầu ra về kỹ năng

2.1. Kỹ năng chuyên môn

PLO 8: Có khả năng vận dụng nhuần nhuyễn các phương pháp nghiên cứu để định hướng việc giải quyết các vấn đề chung về lý thuyết ngôn ngữ học nói chung và ngôn ngữ Nga nói riêng; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, chuyên sâu; có khả năng cho ra đời những sản phẩm khoa học có chất lượng, có giá trị lý luận và thực tiễn cao;

PLO10 : Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh tối thiểu tương đương bậc 5 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và lập luận mạch lạc, bố cục thông tin hợp lý, sử dụng văn phong phù hợp đối với từng đối tượng độc/thính giả khác nhau; có khả năng bảo vệ kết quả nghiên cứu tại các buổi thuyết trình, hội thảo trong nước và quốc tế và bảo vệ luận án; có khả năng hỗ trợ quá trình học của các học viên khác.

PLO10: Sử dụng thành thạo và có chiến lược tiếng Anh ở trình độ bậc 5 và giao tiếp được bằng ngoại ngữ khác ở trình độ bậc 4 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam trong các hoạt động học tập, nghiên cứu và giao lưu khoa học.

2.2. Kỹ năng khác

PLO11: Vận dụng các kỹ năng của thế kỷ 21 (tư duy phản biện, giải quyết vấn đề, quản lý sự thay đổi, v.v) vào các hoạt động lập kế hoạch, điều phối, tiến hành, hoàn thành các nhiệm vụ học tập phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo;

PLO 12: Khai thác, vận dụng ở trình độ cao các ứng dụng công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích quản lý, điều hành, truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các ứng dụng công nghệ thông tin khác trong việc triển khai và sáng tạo ra sản phẩm khoa học của mình.

PLO13: Khai thác, vận dụng ở trình độ cao các ứng dụng công nghệ thông tin hiện có phục vụ mục đích quản lý, điều hành, truyền thông tích cực cho nghề nghiệp, phát triển chuyên môn, trao đổi nghiên cứu, học thuật, sử dụng thành thạo các phần mềm văn phòng (Word, Excel, PowerPoint) và các ứng dụng công nghệ thông tin khác trong việc triển khai và sáng tạo ra sản phẩm khoa học của mình.

PLO 14: Sử dụng được 1 ngoại ngữ 2 ở bậc 4/6

3. Về mức độ tự chủ và trách nhiệm

PLO 15: Có tinh thần chủ động phát hiện vấn đề nghiên cứu, tiến hành nghiên cứu độc lập để giải quyết các vấn đề thực tế, phát triển và thử nghiệm những sáng kiến, giải pháp mới, phát triển các mô hình, xu hướng mới trong lĩnh vực được đào tạo, sáng tạo ra tri thức mới.

PLO 16: Có tinh thần chủ động vận dụng sáng tạo các kiến thức nói trên trong việc giải quyết các công việc chuyên môn phức tạp thuộc ngành Ngôn ngữ Anh và xử lý mọi công việc phát sinh liên quan tới chuyên ngành Ngôn ngữ Anh với hiệu quả, trách nhiệm và tiến độ cao.

PLO 17: Có khả năng thích ứng tốt, tự định hướng khi thực hành nghiên cứu trong chuyên ngành ngôn ngữ Anh và xử lý các nhiệm vụ chuyên môn, có khả năng dẫn dắt người khác trong các hoạt động này

PLO 18: Có tính tự chủ cao khi đưa ra quyết định mang tính chuyên gia trong các nhiệm vụ chuyên môn đòi hỏi trình độ chuyên môn, học thuật cao.

PLO 19: Có tinh thần tích cực, chủ động và trách nhiệm cao trong học tập suốt đời, nghiên cứu để phát triển tri thức chuyên ngành, tích lũy kinh nghiệm thông qua việc trải nghiệm các ý tưởng và quá trình mới trong công việc và cuộc sống.

PLO 20: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội, trung thực trong quá trình thu thập, xử lý và công bố dữ liệu, số liệu nghiên cứu, tuân thủ các yêu cầu và cam kết về đạo đức và trách nhiệm của người nghiên cứu đối với cộng đồng nghiên cứu và toàn xã hội

5. Vị trí việc làm mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận các vị trí công tác chuyên gia đầu ngành về ngôn ngữ học tiếng Anh tại các cơ sở nghiên cứu và đào tạo trong nước; giảng viên tiếng Anh nòng cốt tại các học viện, các trường đại học và cao đẳng chuyên ngoại ngữ; giảng viên tiếng Anh chuyên ngành nòng cốt tại các học viện các trường đại học và cao đẳng; nghiên cứu viên tại các trường đại học và viện nghiên cứu.

- Nghiên cứu sinh sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Ngôn ngữ Anh có thể đảm nhận các vị trí công tác chuyên gia đầu ngành về ngôn ngữ học tiếng Anh ở các bậc đại học và sau đại học, có năng lực tiến hành độc lập các nghiên cứu khoa học và hướng dẫn khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ học tiếng Anh, có khả năng giải quyết một cách sáng tạo các vấn đề lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu ngôn ngữ Anh, có năng lực xây dựng các nhóm ngành nghiên cứu chuyên sâu, có năng lực xây dựng và phát triển các nhóm ngành nghiên cứu mới, và có năng lực thẩm định các công trình nghiên cứu.

6. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Hướng dẫn đồng nghiệp phát hiện những vấn đề nảy sinh trong chuyên môn trong và ngoài đơn vị, nghiên cứu để tìm ra những giải pháp cho những vấn đề đó, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường

Có kỹ năng học tập và nghiên cứu độc lập để không ngừng nâng cao kiến thức chuyên môn, đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành học trong phạm vi nhà trường, Quốc gia và Quốc tế.

7. Các chương trình, tài liệu của các cơ sở đào tạo tiến sĩ có uy tín của Quốc tế mà đơn vị đào tạo tham khảo

- Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học và Ngôn ngữ học ứng dụng của Trường Ngôn ngữ và Ngôn ngữ học, Đại học Melbourne, Ôxtrâylia
- Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Ngôn ngữ học, Khoa Ngôn ngữ của Trường Nghệ thuật và Khoa học, Đại học Havard, Hoa kì
- Chương trình đào tạo tiến sĩ ngành Ngôn ngữ hiện đại của Trường Nhân văn, Đại học Southampton, Vương Quốc Anh

PHẦN III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

1.1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

Nghiên cứu sinh phải hoàn thành các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ và các nội dung của chương trình đào tạo tiến sĩ.

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **171 tín chỉ**

- Phần 1: Các học phần bổ sung: **46 tín chỉ**, trong đó:

+ *Khối kiến thức chung*: 04 tín chỉ

+ *Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành*: 42 tín chỉ

Bắt buộc: 24 tín chỉ

Tự chọn: 18 tín chỉ

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: **24** tín chỉ

+ Các học phần nghiên cứu sinh: 15 tín chỉ

• *Bắt buộc*: 06 tín chỉ

• *Tự chọn*: 9 tín chỉ

+ Các chuyên đề NCS & tiểu luận tổng quan: 03 chuyên đề 09 tín chỉ

- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo).

- Phần 5: Luận án tiến sĩ: **96** tín chỉ

1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **126** tín chỉ, trong đó:

- Phần 1: Các học phần bổ sung **06 tín chỉ**

+ *Bắt buộc*: 03 tín chỉ

+ *Tự chọn*: 03 tín chỉ

- Phần 2: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: **24** tín chỉ

+ Các học phần NCS: **15** tín chỉ

• *Bắt buộc*: 06 tín chỉ

- *Tự chọn:* 09 tín chỉ
- + Các chuyên đề NCS & tiểu luận tổng quan: 03 chuyên đề **9 tín chỉ**
- Phần 3: Nghiên cứu khoa học (*là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo*).
- Phần 4: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo*).
- Phần 5: Luận án tiến sĩ: **96 tín chỉ**

1.3. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp
Tổng số tín chỉ phải tích lũy: **120 tín chỉ**, trong đó:

- Phần 1: Các học phần, chuyên đề NCS và tiểu luận tổng quan: **24 tín chỉ**

+ Các học phần NCS: **15 tín chỉ**

- *Bắt buộc:* 06 tín chỉ
- *Tự chọn:* 09 tín chỉ

+ Các chuyên đề NCS & tiểu luận tổng quan: 03 chuyên đề **9 tín chỉ**

Phần 2: Nghiên cứu khoa học (*là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo*).

- Phần 3: Tham gia sinh hoạt chuyên môn, công tác trợ giảng và hỗ trợ đào tạo (*là yêu cầu bắt buộc với nghiên cứu sinh nhưng không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo*).
- Phần 4: Luận án tiến sĩ: **96 tín chỉ**

2. Khung chương trình

2.1. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG (các học phần của chương trình đào tạo thạc sĩ)							
I. Khối kiến thức chung			9				
1.	PHI 5002	Triết học (Philosophy)	4	60			
2.		Ngoại ngữ B2	5				
II. Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành			42				
II.1. Bắt buộc			24				

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
3.	ENG6033	Giao tiếp liên văn hóa (<i>Intercultural Communication</i>)	3	45			
4.	ENG6008	Những đường hướng phân tích diễn ngôn (<i>Approaches in Discourse Analysis</i>)	3	45			
5.	ENG6005	Phương pháp nghiên cứu trong ngôn ngữ học ứng dụng (<i>Research Methods in Applied Linguistics</i>)	3	45			
6.	ENG6204	Ngữ pháp chức năng (<i>Functional Grammar</i>)	3	45			
7.	ENG6014	Ngôn ngữ, văn hoá và xã hội (<i>Language, Culture and Society</i>)	3	45			
8.	ENG6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (<i>Semantics (English)</i>)	3	45			
II.2	Các học phần học phần tự chọn: 6 (học phần)		3	45			
9.	ENG6009	Tiếng Anh viết khoa học (<i>Academic English Writing</i>)	3	45			
	ENG6010	Những nguyên tắc ngữ âm và âm vị học (<i>Principles of Phonetics and Phonology</i>)	3	45			
10.	ENG6205	Dụng học (<i>Pragmatics</i>)	3	45			
11.	ENG6016	Nghiên cứu dịch thuật (tiếng Anh) (<i>Translation Studies (English)</i>)	3	45			
12.	ENG6017	Tiếng Anh chuyên ngành (<i>English for Specific Purposes</i>)	3	45			
13.	ENG 6019	Lược sử ngôn ngữ Anh (<i>An Introduction to the History of the English Language</i>)	3	45			

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
14.	PSF 6001	Đạo đức nhà giáo và phát triển nghề nghiệp	3	45			
15.	GLE 6001	Giáo dục cách tân	3	45			
16.	ENG6202	Lí thuyết ngữ pháp và ứng dụng trong giảng dạy ngoại ngữ (Theories of grammar and applications in language teaching)	3	45			
17.	ENG6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh) (Contrastive Linguistics (English))	3	45			
18.	ENG6026	Ngôn ngữ và truyền thông (Language and the Media)	3	45			
19.	ENG 6032	Ngôn ngữ văn học (Language of Literature)	3	45			
20.	ENG 6206	Chiến lược giao tiếp (Communication Strategies)	3	45			
21.	GLE 6002	Trí tuệ cảm xúc và giao tiếp xã hội	3	45			
22.	GLE 6003	Thiết kế cuộc đời	3	45			
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ NCS VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I. Các học phần			15				
I.1. Bắt buộc			6				
23.	ENG 8005	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới trong ngôn ngữ học ứng dụng (New Studies and Research Tendencies in Applied Linguistics)	3	15	15	15	
24.	ENG 8001	Những vấn đề mới trong ngôn ngữ học đại cương và đối chiếu ngôn ngữ (New Issues in General Linguistics and Comparative Linguistics)	3	15	15	15	
I.2. Tự chọn:			9				

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
25.	ENG 8002	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về giao tiếp liên văn hóa và giao tiếp giao văn hóa (<i>New Studies and Research Tendencies in Intercultural Communication and Cross-Cultural Communication</i>)	3	15	15	15	
26.	ENG 8004	Ngữ pháp chức năng hệ thống (<i>Functional Systemic Grammar</i>)	3	15	15	15	
27.	ENG 8006	Một số vấn đề lý luận và phương pháp dịch thuật (<i>Some Theoretical and Methodological Issues of Translation</i>)	3	15	15	15	
28.	ENG 8007	Phân tích diễn ngôn phê phán (<i>Critical Discourse Analysis</i>)	3	15	15	15	
29.	ENG 8008	Những vấn đề mới trong nghiên cứu Dụng học (<i>New Issues in Pragmatics</i>)	3	15	15	15	
30.	ENG 8010	Những quan điểm lí thuyết đương đại về ngôn ngữ học tâm lí (<i>Current Theoretical Perspectives on Psycholinguistics</i>)	3	15	15	15	
31.	ENG 8025	Những vấn đề mới trong Ngôn ngữ học tri nhận (<i>New Issues in Cognitive Linguistics</i>)	3	15	15	15	
II. Các chuyên đề NCS& tiểu luận tổng quan: 03 chuyên đề			9				
34.	ENG 8021	Phương pháp nghiên cứu & Phân tích dữ liệu (<i>Research Methodology & Data Analysis</i>)	3	15	15	30	

TT	Mã số học phần	Tên học phần (Tiếng Việt, tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
35.	ENG 8023	Kết quả phân tích dữ liệu và thảo luận (Findings and Discussion)	3	15	15	45	
36.	ENG 8011	Tiểu luận tổng quan (Literature Review Essay)	3	15	15	45	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)							
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO (NCS phải tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng bậc đại học hoặc thạc sỹ hoặc hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học. Các hoạt động trên phải có xác nhận kèm minh chứng của đơn vị đào tạo hoặc phối hợp)							
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ			96				
38.	ENG 9001	Luận án (Doctoral Thesis)	96				
		<i>Tổng cộng</i>	171				

2.2. Khung chương trình dành cho NCS có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG							
I.1. Bắt buộc			3				
1.	ENG 6004	Ngữ nghĩa học (tiếng Anh) (Semantics (English))	3	45			
I.2. Tự chọn			3				
2.	ENG 6002	Ngôn ngữ học ứng dụng (tiếng Anh) (Applied Linguistics (English))	3	45			
3.	ENG 6015	Ngôn ngữ học đối chiếu (tiếng Anh) (Contrastive Linguistics (English))	3	45			
PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ NCS VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I. Các học phần			9				
I.1. Bắt buộc			6				
4.	ENG 8005	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới trong ngôn ngữ học ứng dụng (New Studies and Research Tendencies in Applied Linguistics)	3	15	15	15	
5.	ENG 8001	Những vấn đề mới trong ngôn ngữ học đại cương và đối chiếu ngôn ngữ (New Issues in General Linguistics and Comparative Linguistics)	3	15	15	15	
I.2. Tự chọn			9/21				
6.	ENG 8002	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về giao tiếp liên văn hóa và giao tiếp giao văn hóa (New Studies and Research Tendencies in Intercultural Communication and Cross-Cultural Communication)	3	15	15	15	
7.	ENG 8004	Ngữ pháp chức năng hệ thống (Functional Systemic Grammar)	3	15	15	15	
8.	ENG 8006	Một số vấn đề lý luận và phương pháp dịch thuật (Some Theoretical and Methodological Issues of Translation)	3	15	15	15	
9.	ENG 8007	Phân tích diễn ngôn phê phán (Critical Discourse Analysis)	3	15	15	15	
	ENG 8008	Những vấn đề mới trong nghiên cứu Dụng học (New Issues in Pragmatics)	3	15	15	15	

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
	ENG 8025	Những vấn đề mới trong Ngôn ngữ học tri nhận (<i>New Issues in Cognitive Linguistics</i>)	3	15	15	15	
II. Chuyên đề tiến sĩ: 03 chuyên đề			9				
10.	ENG 8021	Phương pháp nghiên cứu & Phân tích dữ liệu (<i>Research Methodology & Data Analysis</i>)	3	15	15	30	
11.	ENG 8023	Kết quả phân tích dữ liệu và thảo luận (<i>Findings and Discussion</i>)	3	15	15	45	
12.	ENG 8011	Tiểu luận tổng quan (<i>Literature Review Essay</i>)	3	15	15	45	
PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)							
PHẦN 4. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO (NCS phải tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng bậc đại học hoặc thạc sỹ hoặc hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học. Các hoạt động trên phải có xác nhận kèm minh chứng của đơn vị đào tạo hoặc phối hợp)							
PHẦN 5. LUẬN ÁN TIẾN SĨ			96				
14.	ENG9001	Luận án (<i>Doctoral Thesis</i>)	96				
		Tổng cộng	126				

2.3. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIỀN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN							
I. Các học phần			15				
I.1. Bắt buộc			6				
1.	ENG 8005	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới trong ngôn ngữ học ứng dụng (New Studies and Research Tendencies in Applied Linguistics)	3	15	15	15	
2.	ENG 8001	Những vấn đề mới trong ngôn ngữ học đại cương và đối chiếu ngôn ngữ (New Issues in General Linguistics and Comparative Linguistics)	3	15	15	15	
I.2. Tự chọn:			9				
3.	ENG 8002	Những nghiên cứu và khuynh hướng nghiên cứu mới về giao tiếp liên văn hóa và giao tiếp giao văn hóa (New Studies and Research Tendencies in Intercultural Communication and Cross-Cultural Communication)	3	15	15	15	
4.	ENG 8004	Ngữ pháp chức năng hệ thống (Functional Systemic Grammar)	3	15	15	15	
5.	ENG 8006	Một số vấn đề lý luận và phương pháp dịch thuật (Some Theoretical and Methodological Issues of Translation)	3	15	15	15	
6.	ENG 8007	Phân tích diễn ngôn phê phán (Critical Discourse Analysis)	3	15	15	15	
7.	ENG 8008	Những vấn đề mới trong nghiên cứu Dụng học (New Issues in Pragmatics)	3	15	15	15	
8.	ENG 8010	Những quan điểm lí thuyết đương đại về ngôn ngữ học tâm lí (Current Theoretical Perspectives on Psycholinguistics)	3	15	15	15	
9.	ENG 8025	Những vấn đề mới trong Ngôn ngữ học tri nhận (New Issues in Cognitive Linguistics)	3	15	15	15	
II. Chuyên đề NCS: 03 chuyên đề			9				

STT	Mã học phần	Tên học phần (ghi bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
10.0.	ENG 8021	Phương pháp nghiên cứu & Phân tích dữ liệu (<i>Research Methodology Data Analysis</i>)	3				
11.2.	ENG 8022	Kết quả phân tích dữ liệu và thảo luận (<i>Findings and Discussion</i>)	3				
12.3.	ENG 8011	Tiểu luận tổng quan (<i>Literature Review Essay</i>)	3				
PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)							
PHẦN 3. THAM GIA SINH HOẠT CHUYÊN MÔN, CÔNG TÁC TRỢ GIẢNG VÀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO (NCS phải tham gia sinh hoạt chuyên môn, trợ giảng bậc đại học hoặc thạc sỹ hoặc hướng dẫn 02 khóa luận tốt nghiệp đại học. Các hoạt động trên phải có xác nhận kèm minh chứng của đơn vị đào tạo hoặc phối hợp)							
PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ			96				
14.	ENG9001	Luận án (<i>Doctoral Thesis</i>)	96				
		Tổng cộng	120				

